CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ
International Auditing and Financial Consulting Company Limited
Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.
Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.
Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvietnam.com.vn Website: www.ifcvietnam.com.vn

Số: 3269/2013/BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN
Về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty Cổ phần Hà Châu OSC

Kính gửi: **Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Hà Châu OSC

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được lập ngày 10 tháng 04 năm 2013 của Công ty Cổ phần Hà Châu OSC (gọi tắt là "Công ty") từ trang 4 đến trang 31 kèm theo. Các Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc trang 2, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Hà Châu OSC tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ

Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0748/KTV
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

Trần Thiện Thanh
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1932/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN
Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	**100**		**576.121.188.576**	**800.460.469.458**
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**		**4.467.428.179**	**8.519.294.754**
1.Tiền	111	5.1	4.467.428.179	8.519.294.754
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**		**-**	**12.050.296.000**
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	12.050.296.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**		**164.050.189.947**	**277.601.673.079**
1. Phải thu khách hàng	131	5.2	145.424.587.742	260.104.304.520
2. Trả trước cho người bán	132		9.612.130.449	11.454.155.501
3. Các khoản phải thu khác	135	5.3	33.930.216.747	32.067.981.374
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(24.916.744.991)	(26.024.768.316)
IV. Hàng tồn kho	**140**		**397.243.633.795**	**489.418.088.907**
1. Hàng tồn kho	141	5.4	397.243.633.795	489.418.088.907
V. Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**10.359.936.655**	**12.871.116.718**
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		146.167.494	1.548.801.181
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.372.947.802	7.342.982.238
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		1.307.317	1.307.145
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	3.839.514.042	3.978.026.154
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	**200**		**94.093.022.631**	**114.034.622.073**
I. Tài sản cố định	**220**		**51.732.675.197**	**65.934.768.945**
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	24.570.695.796	38.581.176.305
- Nguyên giá	*222*		*65.477.888.826*	*73.709.878.894*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*223*		*(40.907.193.030)*	*(35.128.702.589)*
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.6	17.163.967.121	17.119.048.938
- Nguyên giá	*228*		*17.175.265.982*	*17.125.356.891*
- Giá trị hao mòn luỹ kế	*229*		*(11.298.861)*	(6.307.953)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	9.998.012.280	10.184.634.611
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	**250**		**37.508.915.243**	**41.169.777.274**
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	5.9	22.456.154.469	7.289.707.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258	5.10	28.192.477.974	45.322.477.974
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(13.139.717.200)	(11.442.407.700)
III. Tài sản dài hạn khác	**260**		**4.851.432.191**	**6.930.075.854**
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		1.397.013.327	2.436.939.397
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		3.454.418.864	4.493.136.457
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**270**		**670.214.211.207**	**914.495.091.531**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 01-DN/HN

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
A. NỢ PHẢI TRẢ	**300**		**628.115.069.011**	**863.047.764.817**
I. Nợ ngắn hạn	**310**		**292.714.249.863**	**472.622.301.392**
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.11	115.440.619.646	148.270.827.552
2. Phải trả người bán	312		55.039.033.299	176.758.687.869
3. Người mua trả tiền trước	313		66.142.601.933	81.382.883.902
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.12	585.231.450	2.738.828.576
5. Phải trả người lao động	315		14.080.729.133	16.042.270.948
7. Chi phí phải trả	316	5.13	28.600.703.814	37.925.587.050
8. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	319	5.14	11.783.628.940	8.406.263.847
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		1.041.701.648	1.096.951.648
II. Nợ dài hạn	**330**		**335.400.819.148**	**390.425.463.425**
1. Phải trả dài hạn khác	333	5.15	137.812.397.006	280.917.572.600
2. Vay và nợ dài hạn	334	5.16	29.826.012.190	8.481.629.531
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	1.454.658.679
4. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	6.305.344.083
5. Doanh thu chưa thực hiện	338	5.17	167.762.409.952	93.266.258.532
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	**400**		**41.953.803.443**	**50.778.499.363**
I. Vốn chủ sở hữu	**410**	**5.18**	**41.953.803.443**	**50.778.499.363**
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		35.000.000.000	35.000.000.000
2. Cổ phiếu quỹ	414		(3.399.600.000)	(3.399.600.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		8.004.885.165	8.004.885.165
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.415.021.390	2.415.021.390
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(66.503.112)	8.758.192.808
C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	**439**		**145.338.753**	**668.827.351**
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**440**		**670.214.211.207**	**914.495.091.531**

Nguyễn Khắc Kiên	**Đặng Thị Lam**	**Trần Khánh Vân**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN HÀ CHÂU OSC
Số 15 Phố Nguyễn Khả Trạc,
Phường Mai Dịch, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2012

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 02-DN/HN

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	**144.360.755.504**	**316.491.296.082**
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		**144.360.755.504**	**316.491.296.082**
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	**122.847.106.315**	**273.580.200.854**
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		**21.513.649.189**	**42.911.095.228**
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	**7.309.818.711**	**4.259.657.515**
7. Chi phí tài chính	22	6.4	**29.972.836.123**	**33.503.391.190**
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*28.274.639.261*	*22.645.022.209*
8. Chi phí bán hàng	24		**464.918.437**	**576.003.600**
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		**11.109.392.840**	**16.176.404.648**
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		**(12.723.679.500)**	**(3.085.046.695)**
11. Thu nhập khác	31		**13.706.648.988**	**12.146.601.227**
12. Chi phí khác	32		**9.298.067.911**	**7.470.780.595**
13. Lợi nhuận khác	40		**4.408.581.077**	**4.675.820.632**
14. Lãi trong Công ty liên kết, liên doanh	45		**(1.948.940.218)**	**-**
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		**(10.264.038.641)**	**1.590.773.937**
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.5	**436.610.254**	**693.235.162**
17. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	52		**(1.376.239.252)**	**(339.087.980)**
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		**(9.324.409.643)**	**1.236.626.755**
18.1. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		(500.195.251)	23.293.347
18.2. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		(8.824.214.392)	1.213.333.408
19. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.6	**(2.785)**	**324**

Nguyễn Khắc Kiên	**Đặng Thị Lam**	**Trần Khánh Vân**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

MẪU B 03-DN/HN
Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2012	Năm 2011
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	105.263.297.272	309.783.759.470
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	02	(71.353.609.331)	(194.717.850.300)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(25.991.632.556)	(50.020.490.955)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(16.066.042.752)	(21.875.917.077)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(470.469.486)	(2.163.004.614)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	151.231.169.925	470.426.055.643
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(139.858.121.259)	(574.795.436.135)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	**20**	**2.754.591.813**	**(63.362.883.968)**
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(12.500.000)	(5.685.340.727)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	2.000.000.000	10.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	6.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	42.532.719	2.267.009.540
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	**30**	**2.030.032.719**	**(3.408.331.187)**
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	102.403.569.084	262.717.150.861
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(111.240.060.191)	(197.514.339.068)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	**40**	**(8.836.491.107)**	**65.202.811.793**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	**50**	**(4.051.866.575)**	**(1.568.403.362)**
Tiền và tương đương tiền đầu năm	**60**	**8.519.294.754**	**10.087.698.116**
Tiền và tương đương tiền cuối năm	**70**	**4.467.428.179**	**8.519.294.754**

Nguyễn Khắc Kiên	**Đặng Thị Lam**	**Trần Khánh Vân**
Tổng Giám đốc	**Kế toán trưởng**	**Người lập**

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013